

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày 07-8-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Khắc Long và bà Phan Thị Yến Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa: Ông Đàm Công Tư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07-8-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ Lsố: 122/2019/TLST- DS ngày 23 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 02-7-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2020/QĐST-DS ngày 20-7-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng C.

- *Đông bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Văn L (Vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị D (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – Ngân hàng C (viết tắt: Ngân hàng) trình bày: Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D có vay của Ngân hàng C - Chi nhánh Kon Tum số tiền 250.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 962NH/2017-HĐCVTN/NHCT10-NGUYỄN THỊ D ngày 25-10-2017, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 8%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cho vay; mục đích vay để bổ sung vốn chăm

sóc cây cà phê. Để đảm bảo cho khoản vay, đồng bị đơn đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 59, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 731166 ngày 12-10-2016, do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp, mang tên ông Nguyễn Văn Lva và bà Nguyễn Thị D. Sau khi ký kết hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Lvi phạm về việc trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, nhưng ông Lý, bà D vẫn cố tình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Văn Lva và bà Nguyễn Thị D phải trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07-8-2020 là 115.910.247đồng, (Nợ gốc: 90.800.000đồng; lãi trong hạn: 780.822đồng; lãi quá hạn là 24.329.425đồng); đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn phát sinh kể từ ngày 08-8-2020 cho đến khi thanh toán hết nợ vay; trường hợp ông Lý, bà D không thực hiện việc trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

- *Đồng bị đơn - ông Nguyễn Văn Lva và bà Nguyễn Thị D:* Tại thời điểm Tòa án thụ vụ án ông Lva và bà D đã bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đồng bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Ldu đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có Ldo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tiến hành tố tụng đúng với quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 195, 196, 203, 214, 215, 220 và các quy định khác của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về phía người tham gia tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 và 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468, 470, 500, 501, 502, 688 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ đến ngày 07-8-2020 là 115.910.247đồng, trong đó: Nợ gốc 90.800.000đồng; lãi trong hạn 780.822đồng; lãi quá hạn là 24.329.425đồng;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL đề nghị tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, đồng bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi nợ quá hạn của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán.

Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 157, Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Hợp đồng tín dụng: Buộc ông Lý, bà D phải hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.100.000đồng và tiền chi phí thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là 3.444.000đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị buộc bị đơn phải chịu 5.795.500đồng tiền án phí sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn – Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L– bà Nguyễn Thị D trả số tiền gốc và lãi còn nợ, theo Hợp đồng cho vay từng lần được ký kết giữa các bên. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng cho vay vừa nêu được ký kết, thực hiện tại địa bàn huyện Ngọc Hồi; bị đơn có địa chỉ cư trú cuối cùng tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi; nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn L dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có Ldo, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Hồ sơ vụ án thể hiện: Vào ngày 25-10-2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn L– bà Nguyễn Thị D (ông Lủy quyền cho bà D đứng tên vay) có vay của Ngân hàng số tiền 250.000.000đồng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 8%/năm (đến ngày 25-4-2020 được điều chỉnh thành 10%/năm), lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền cho vay.

[4] Theo phía nguyên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, đồng bị đơn đã vi phạm về việc trả nợ. Tính đến ngày 07-8-2020 tổng số tiền bà D và ông L còn phải thanh toán là 115.910.247đồng, trong đó: Nợ gốc 90.800.000đồng; lãi trong hạn 780.822đồng; lãi quá hạn là 24.329.425đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp Hợp đồng cho vay từng lần số: 962NH/2017-HĐCVTN/NHCT10-NGUYỄN THỊ D ngày 25-10-2017; giấy nhận nợ của bà Nguyễn Thị D ngày 25-10-2017 và các bảng theo dõi nợ gốc và tiền lãi ngày 25-6-2019, ngày 07-8-2020.

[5] Xét hợp đồng cho vay từng lần được ký kết giữa Ngân hàng và bà D có nội dung, hình thức phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; các chủ thể tham gia giao kết hoàn toàn tự nguyện và có đầy đủ tư cách chủ thể; mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng này có hiệu lực thi hành.

[6] Về phía bị đơn – trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, vợ chồng ông L– bà D luôn vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ nội dung hợp đồng cho vay, lời khai của phía nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ để giải quyết vụ án.

[7] Mặt khác, xét yêu cầu của Ngân hàng, buộc đồng bị đơn - ông L và bà D trả tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07-8-2020 là 115.910.247đồng, trong đó: Nợ gốc 90.800.000đồng; lãi trong hạn 780.822đồng; lãi quá hạn là 24.329.425đồng, đồng thời phải tiếp tục trả tiền lãi nợ quá hạn kể từ ngày 08-8-2020 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, là phù hợp với nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng và Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Bởi vậy, phần yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi của Ngân hàng được chấp nhận.

[8] Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng ông L– bà D đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 724NH/2016/HĐTC ngày 19-10-2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 16-01-2018, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ số 59, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 731166, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 01180 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp

ngày 12-10-2016, đứng tên ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D. Hợp đồng thế chấp này phù hợp quy định về cả nội dung, hình thức và chủ thể tham gia giao kết; đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng pháp luật, nên có hiệu lực thi hành. Bởi vậy, chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu đồng bị đơn không trả đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi xử L tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[9] Với những nhận định, phân tích ở trên, có đủ cơ sở khẳng định: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có cơ sở, được chấp nhận.

[10] Trong quá trình tham gia tố tụng, do đồng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên phía nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với vợ chồng ông Lý. Chi phí thực hiện thủ tục thông báo hết 3.444.000đồng. Số tiền này, ông L và bà D phải chịu theo thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng. Bên cạnh đó, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên đồng bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.100.000đồng. Các khoản chi phí này, Ngân hàng đã tạm ứng, nên ông L và bà D phải có nghĩa vụ hoàn trả.

[11] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Lý, bà Nguyễn Thị D phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 115.910.247đồng, nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền 5.795.500 đồng. Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 144, 147, 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;

Áp dụng các Điều 278, 280, 357, 463, 466, 468, 470, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao);

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

- Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D trả cho Ngân hàng C tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 07-8-2020 là 115.910.247đồng (*một trăm mười lăm triệu, chín trăm mười nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc là 90.800.000đồng; lãi trong hạn 780.822đồng; lãi quá hạn là 24.329.425đồng.

- Kể từ ngày 08-8-2020 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục trả cho Ngân hàng C khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số: 962NH/2017-HĐCVTN/NHCT10-NGUYỄN THỊ D ngày 25-10-2017. Mức lãi suất mà ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng C theo quyết định của bản án này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng C.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D không trả đủ tổng số tiền còn nợ thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 59, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CD 731166, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 01180 ngày 12-10-2016, do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị D.

2. Về chi phí tố tụng:

- Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị D phải hoàn trả cho Ngân hàng C các khoản tiền: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.100.000đồng (*ba triệu, một trăm nghìn đồng*); chi phí thông báo tìm kiếm với số tiền 3.444.000đồng (*ba triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị D không trả đủ số tiền chi phí tố tụng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả là 10%/năm.

3. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn Lý, bà Nguyễn Thị D phải nộp 5.795.500 đồng (*năm triệu, bảy trăm chín mươi lăm nghìn, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 2.516.000đồng (*hai triệu, năm trăm mười sáu nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000384 ngày 23-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi.

4. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07-8-2020), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND t. Kon Tum;
- VKSND h. Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- Chi cục THA h. Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Trường Thọ